SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; 20/12/2021; 17:10:13 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /2021/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 được Quốc hội khoá XV thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 571-TB/TU ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho một số phường có hoạt động sản xuất nông nghiệp tại 03 quận: Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn;

Xét Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Đề án số 26/ĐA-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-BĐT ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Đề án về xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021 - 2025 *(theo Tờ trình số 203/TTr-*

UBND và Đề án số 26/ĐA-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố), với mục tiêu, nguồn lực và giải pháp thực hiện; cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện sinh hoạt cho người dân nông thôn; rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; phát huy tiềm năng, thế mạnh, phù hợp với thực tiễn của địa phương, gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đảm bảo đồng bộ và hiện đại, theo hướng đô thị. Bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Tình hình an ninh trật tự nông thôn được giữ vững.

- Đến năm 2025: 100% số xã (137 xã) đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu của thành phố, đồng thời hoàn thành các tiêu chí về nông thôn mới nâng cao theo quy định của Trung ương *(Chi tiết tại Phụ lục 01 - kèm theo)*.

1.2. Chỉ tiêu cụ thể

Một số chỉ tiêu chủ yếu của xã nông thôn mới kiểu mẫu:

- 70% đường trục chính từ đường huyện về trung tâm xã và đường liên xã được trải nhựa mặt rộng tối thiểu 9m, có vỉa hè hoặc lề đường, có rãnh thoát nước, điện chiếu sáng khu dân cư; 70% đường trục chính từ xã về thôn, trục chính liên thôn được trải nhựa mặt rộng tối thiểu 7m có vỉa hè hoặc lề đường, có rãnh thoát nước, điện chiếu sáng khu dân cư; 50% đường trục thôn được trải nhựa hoặc bê tông mặt rộng tối thiểu 5,5m, có rãnh thoát nước, điện chiếu sáng; 50% đường ngõ xóm được trải nhựa hoặc bê tông mặt rộng tối thiểu 3,5m, có rãnh thoát nước, điện chiếu sáng *(% tính theo tỷ lệ chiều dài đường)*.

- 100% trường học các cấp trên địa bàn các xã *(mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở)* đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và mỗi xã có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt tối thiểu 85 triệu đồng/người/năm. Không còn hộ nghèo theo chuẩn quốc gia.

- 100% người dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn; 50% số hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; 98% chất thải rắn được thu gom, xử lý; 100% bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường.

- 90% dân số được quản lý sức khoẻ; 95% người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- 100% các xã có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

2. Nguồn lực thực hiện

2.1. Ngân sách thành phố: 17.856,6 tỷ đồng

Bao gồm:

a) Vốn đầu tư công: 16.510,6 tỷ đồng

- 8 xã thí điểm *(xây dựng từ năm 2020)*: Năm 2021 đã bố trí đủ cho phần còn thiếu là 385,6 tỷ đồng.

- 129 xã còn lại: 16.125 tỷ đồng. Mức hỗ trợ, trung bình: 125 tỷ đồng/xã; riêng đối với các xã huyện Cát Hải, trung bình: 40 tỷ đồng/xã.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 - Gửi kèm)

- Nội dung hỗ trợ:

+ Chi phí xây dựng: đường giao thông, trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, công trình môi trường của các xã.

+ Tài sản, vật kiến trúc phải tháo dỡ trong phạm vi xây dựng các công trình; tiền sử dụng đất cho hộ dân không còn đủ điều kiện để ở sau khi tặng cho đất để đầu tư công trình nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Vốn sự nghiệp, lồng ghép: 1.346 tỷ đồng

Nội dung hỗ trợ: chi phí chỉ đạo, điều hành, quản lý, tuyên truyền; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống xử lý nước thải; phân loại rác thải đầu nguồn, xử lý rác thải nông thôn; đo đạc, lập mảnh trích đo địa chính để thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi nhân dân tặng cho đất để xây dựng công trình nông thôn mới kiểu mẫu; bổ sung trang thiết bị tại điểm bưu chính xã đảm bảo phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; lắp đặt hệ thống wifi miễn phí ở các điểm công cộng; hỗ trợ sản xuất *(xây dựng mô hình nông nghiệp và ngành nghề nông thôn; ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hoá, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP, hỗ trợ hợp tác xã)*.

2.2. Ngân sách địa phương huyện, xã: ưu tiên vốn đầu tư công phân cấp hàng năm và các nguồn vốn ngân sách khác của địa phương để thực hiện các nội dung, tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu.

2.3. Huy động hiệu quả các nguồn vốn khác: Huy động các nguồn vốn tín dụng, vốn huy động doanh nghiệp, vốn hợp tác xã, huy động nhân dân tự nguyện đóng góp thông qua các hình thức đóng góp ngày công, cho tặng đất… để thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Các nhóm giải pháp chủ yếu:

Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp chủ yếu, bao gồm: Phát động phong trào Chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; huy động cả hệ thống chính trị, mọi người dân chung tay thực hiện Chương trình; tuyên truyền công khai, sâu rộng nội dung Chương trình đến mọi người dân; áp dụng các giải pháp kỹ thuật mới về xây dựng để giảm chi phí, nâng cao chất lượng, độ bền, mỹ quan các công trình xây dựng; phát triển hiệu quả các vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm đặc thù, có lợi thế của địa phương; hoàn thiện, nâng cao năng lực bộ máy thực hiện chương trình; ưu tiên nguồn vốn ngân sách, huy động hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách; tăng cường kiểm tra, giám sát...

Điều 2. Tán thành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 (thay thế Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2020 - 2025 quy định tại Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố).

Bao gồm 19 tiêu chí về: (1) Quy hoạch, (2) Giao thông, (3)Thuỷ lợi, (4) Điện, (5) Giáo dục, (6) Văn hoá, (7) Thương mại, (8) Thông tin và truyền thông, (9) Nhà ở, (10) Thu nhập, (11) Hộ nghèo, (12) Lao động, (13) Tổ chức sản xuất, (14) Y tế, (15) Hành chính công, (16) Tiếp cận pháp luật, (17) Môi trường, (18) Chất lượng môi trường sống, (19) Quốc phòng và an ninh.

(Theo Tờ trình số 203/TTr-UBND và Đề án số 26/ĐA-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố)

Điều 3. Phê duyệt danh sách 35 xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022, hoàn thành năm 2023 *(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)*.

Điều 4. Quy định chính sách đặc thù trong việc thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Ngân sách thành phố hỗ trợ:

1. Tài sản, vật kiến trúc trên đất tặng cho của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi mặt bằng xây dựng, mở rộng các công trình nông thôn mới kiểu mẫu. Mức hỗ trợ không vượt quá 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc *(theo mức đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng)*.

2. Tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới đối với các hộ gia đình, cá nhân tặng cho đất khi xây dựng, mở rộng các công trình nông thôn mới kiểu mẫu mà diện tích còn lại không còn đủ điều kiện để ở *(không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã có đất tặng cho)*. Diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng đất không vượt quá diện tích đất ở cũ của hộ dân trước khi tặng cho.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả, thiết thực, tránh thất thoát lãng phí, đúng các quy định của pháp luật.

b) Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025; kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp theo quy định của Trung ương.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát từ khâu lập hồ sơ, triển khai thực hiện đến nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác sử dụng các công trình xây dựng. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10/12/2021 và có hiệu lực từ ngày 21/12/2021./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: NN và PTNT, KH và ĐT;
- Cục KTVBQPPL (Bộ TP);
- Vụ pháp chế các Bộ: NN và PTNT, TN và MT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội HP;
- Uỷ ban MTTQVN HP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- KBNN TP;
- Văn phòng Điều phối NTM TP;
- Các Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện;
- CVP, các PCVP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Báo HP; Đài PT và TH HP;
- Các CV VP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lập

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Xã

STT	Huyện	Tổng số xã	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
	Tổng	**137**	**8**	**14**	**35**	**35**	**38**	7	
1	Vĩnh Bảo	**29**	1	2	7	8	9	2	Các xã tập trung triển khai từ năm kế hoạch và hoàn thành vào năm tiếp theo. Riêng các xã kế hoạch năm 2025 thực hiện hoàn thành trong năm
2	Tiên Lãng	**20**	1	2	4	5	6	2	
3	An Lão	**15**	1	1	3	4	5	1	
4	Kiến Thuỵ	**17**	1	1	4	4	5	2	
5	An Dương	**15**	1	3	4	4	3	0	
6	Thuỷ Nguyên	**35**	2	5	8	10	10	0	
7	Cát Hải	**6**	1		5				Hoàn thành năm 2023

Phụ lục 02

DỰ KIẾN BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Huyện	Số lượng xã (xã)			Vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tỷ đồng)		
		Tổng số xã	Xã thí điểm năm 2020	Xã thực hiện giai đoạn 2021-2025	Tổng	Bố trí cho 08 xã thí điểm	Bố trí cho 129 xã
	Tổng	**137**	**8**	**129**	**16.510,60**	**385,60**	**16.125,00**
1	Vĩnh Bảo	29	1	28	3667,24	71,27	3595,97
2	Tiên Lãng	20	1	19	2509,59	69,47	2440,12
3	An Lão	15	1	14	1874,59	76,61	1797,98
4	Kiến Thuỵ	17	1	16	2113,17	58,33	2054,84
5	An Dương	15	1	14	1859,44	61,46	1797,98
6	Thuỷ Nguyên	35	2	33	4286,56	48,46	4238,10
7	Cát Hải	6	1	5	200,00		200,00

Phụ lục 03

CÁC XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU NĂM 2022, HOÀN THÀNH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên huyện	Tên xã
1	**Huyện Vĩnh Bảo** *(07 xã)*	Xã Nhân Hòa
		Xã Hiệp Hòa
		Xã Lý Học
		Xã Tân Hưng
		Xã Liên Am
		Xã Vĩnh Long
		Xã Vĩnh Phong
2	**Huyện Tiên Lãng** *(04 xã)*	Xã Toàn Thắng
		Xã Quang Phục
		Xã Đoàn Lập
		Xã Quyết Tiến
3	**Huyện Kiến Thụy** *(04 xã)*	Xã Minh Tân
		Xã Đại Đồng
		Xã Tân Trào
		Xã Đại Hà
4	**Huyện An Dương** *(04 xã)*	Xã Hồng Thái
		Xã An Hồng
		Xã Hồng Phong
		Xã Lê Thiện
5	**Huyện An Lão** *(03 xã)*	Xã An Thắng
		Xã Bát Trang
		Xã An Tiến
6	**Huyện Thuỷ Nguyên** *(08 xã)*	Xã Lại Xuân
		Xã Kỳ Sơn
		Xã An Sơn
		Xã Phù Ninh
		Xã Chính Mỹ
		Xã Cao Nhân

STT	Tên huyện	Tên xã
		Xã Hợp Thành
		Xã Minh Tân
7	**Huyện Cát Hải** ***(05 xã)***	Xã Trân Châu
		Xã Phù Long
		Xã Hiền Hào
		Xã Gia Luận
		Xã Việt Hải